

LUẬN A TỶ ĐẠT MA PHÁT TRÍ QUYỂN 7

Chương 3: TRÍ UẨN

Phẩm 1: BÀN VỀ GIÁC CHI

*Tám chi học - mười chi vô học
Kiến và giác chi-đạo có ba,
Thế tục-vô lậu-kiến và trí,
Nghĩa chương này xin nói đầy đủ.*

Như Đức Thế Tôn nói: “Kiến học tích thành tựu tám chi học”.

Hỏi: Thành tựu tám chi học có bao nhiêu quá khứ, bao nhiêu vị lai, bao nhiêu hiện tại?

Đáp: Nếu dựa vào có tâm-có tứ, kiến học đầu tiên hiện ở trước mắt, thì quá khứ không có, vị lai-hiện tại có tám, kiến học kia diệt rồi không mất. Nếu lại dựa vào định có tâm-có tứ, kiến học hiện ở trước mắt, thì quá khứ-vị lai-hiện tại có tám, kiến học kia diệt rồi không mất.

Nếu dựa vào không có tâm-không có tứ, kiến học hiện ở trước mắt, thì quá khứ-vị lai có tám, hiện tại có bảy, kiến học kia diệt rồi không mất.

Nếu dựa vào định vô sắc, kiến học hiện ở trước mắt, thì quá khứ-vị lai có tám, hiện tại có bốn, kiến học kia diệt rồi không mất.

Nếu nhập diệt định, hoặc tâm thế tục hiện ở trước mắt, thì quá khứ-vị lai có tám, hiện tại không có.

Nếu dựa vào không có tâm-không có tứ, kiến học đầu tiên hiện ở trước mắt, thì quá khứ không có, vị lai có tám, hiện tại có bảy, kiến học kia diệt rồi không mất.

Nếu lại dựa vào định không có tâm-không có tứ, kiến học hiện ở

trước mắt, thì quá khứ-hiện tại có bảy, vị lai có tám, kiến học kia diệt rồi không mất.

Nếu dựa vào vô sắc, kiến học hiện ở trước mắt, thì quá khứ có bảy, vị lai có tám, hiện tại có bốn, kiến học kia diệt rồi không mất.

Nếu nhập diệt định, hoặc tâm thế tục hiện ở trước mắt, thì quá khứ có bảy, vị lai có tám, hiện tại không có, kiến học kia diệt rồi không mất.

Nếu dựa vào định có tầm-có tứ, kiến học hiện ở trước mắt, thì quá khứ có bảy, vị lai-hiện tại có tám, kiến học kia diệt rồi không mất.

Nếu dựa vào vô sắc, kiến học hiện ở trước mắt, thì quá khứ không có, vị lai có tám, hiện tại có bốn, kiến học kia diệt rồi không mất.

Nếu lại dựa vào định vô sắc, kiến học hiện ở trước mắt, thì quá khứ-hiện tại có bốn, vị lai có tám, kiến học kia diệt rồi không mất.

Nếu nhập diệt định, hoặc tâm thế tục hiện ở trước mắt, thì quá khứ bốn, vị lai có tám, hiện tại không có, kiến học kia diệt rồi không mất.

Nếu dựa vào có tầm-có tứ, kiến học hiện ở trước mắt, thì quá khứ bốn, vị lai-hiện tại có tám, kiến học kia diệt rồi không mất.

Nếu dựa vào định không có tầm-không có tứ, kiến học hiện ở trước mắt, thì quá khứ bốn, vị lai có tám, hiện tại có bảy, kiến học kia diệt rồi không mất.

Như Đức Thế Tôn nói: “A-la-hán lậu tận, thành tựu mười chi vô học”.

Hỏi: Vô học ấy thành tựu có bao nhiêu quá khứ, bao nhiêu vị lai, bao nhiêu hiện tại?

Đáp: Nếu dựa vào định có tầm-có tứ, trí vô học đầu tiên hiện ở trước mắt, thì quá khứ không có, vị lai có mười, hiện tại có chín, vô học kia diệt rồi không mất.

Nếu lại dựa vào có tầm-có tứ, trí vô học được hiện ở trước mắt, thì quá khứ-hiện tại có chín, vị lai có mười, trí vô học kia diệt rồi không mất.

Nếu dựa vào định không có tầm-không có tứ, trí vô học hiện ở trước mắt, thì quá khứ có chín, vị lai có mười, hiện tại có tám, trí vô học kia diệt rồi không mất.

Nếu dựa vào vô sắc, trí vô học hiện ở trước mắt, thì quá khứ có chín, vị lai có mười, hiện tại có năm, trí vô học kia diệt rồi không mất.

Nếu nhập diệt định, hoặc tâm thế tục hiện ở trước mắt, thì quá khứ có chín, vị lai có mười, hiện tại không có, trí vô học kia diệt rồi không mất.

Nếu dựa vào định có tâm-có tứ, trí kiến vô học đầu tiên hiện ở trước mắt, thì quá khứ-hiện tại có chín, vị lai có mười, trí đó diệt rồi không mất.

Nếu lại dựa vào có tâm-có tứ, vô học hoặc trí hoặc kiến hiện ở trước mắt, thì quá khứ-vị lai có mười, hiện tại có chín, trí kiến vô học đó diệt rồi không mất.

Nếu dựa vào định không có tâm-không có tứ, vô học hoặc trí hoặc kiến hiện ở trước mắt, thì quá khứ-vị lai có mười, hiện tại có tám, trí đó diệt rồi không mất.

Nếu dựa vào định vô sắc, vô học hoặc trí hoặc kiến hiện ở trước mắt, thì quá khứ-vị lai có mười, hiện tại có năm, trí kiến kia diệt rồi không mất.

Nếu nhập diệt định, hoặc tâm thế tục hiện ở trước mắt, thì quá khứ-vị lai có mười, hiện tại không có.

Nếu dựa vào không có tâm-không có tứ, trí vô học đầu tiên hiện ở trước mắt, thì quá khứ không có, vị lai có mười, hiện tại có tám, trí vô học kia diệt rồi không mất.

Nếu lại dựa vào định không có tâm-không có tứ, trí vô học hiện ở trước mắt, thì quá khứ-hiện tại có tám, vị lai có mười, trí đó diệt rồi không mất.

Nếu dựa vào vô sắc, trí vô học hiện ở trước mắt, thì quá khứ tám, vị lai có mười, hiện tại có năm, trí đó diệt rồi không mất.

Nếu nhập diệt định, hoặc tâm thế tục hiện ở trước mắt, thì quá khứ tám, vị lai có mười, hiện tại không có, tâm đó diệt rồi không mất.

Nếu dựa vào định có tâm-có tứ, trí vô học được hiện ở trước mắt, thì quá khứ tám, vị lai có mười, hiện tại có chín, trí đó diệt rồi không mất.

Nếu dựa vào không có tâm-không có tứ, kiến vô học đầu tiên được hiện ở trước mắt, thì quá khứ-hiện tại có tám, vị lai có mười, kiến vô học ấy diệt rồi không mất.

Nếu lại dựa vào định không có tâm-không có tứ, vô học hoặc trí hoặc kiến hiện ở trước mắt, thì quá khứ có chín, vị lai có mười, hiện tại có tám, trí kiến vô học đó diệt rồi không mất.

Nếu dựa vào vô sắc, vô học hoặc trí hoặc kiến hiện ở trước mắt, thì quá khứ có chín, vị lai có mười, hiện tại có năm, trí kiến vô học đó diệt rồi không mất.

Nếu nhập diệt định, hoặc tâm thế tục hiện ở trước mắt, thì quá khứ có chín, vị lai có mười, hiện tại không có, tâm đó diệt rồi không mất.

Nếu dựa vào định có tâm-có tứ, vô học hoặc trí hoặc kiến hiện ở trước mắt, thì quá khứ-hiện tại có chín, vị lai có mười.

Nếu dựa vào vô sắc, trí vô học đầu tiên hiện ở trước mắt, thì quá khứ không có, vị lai có mười, hiện tại có năm, trí đó diệt rồi không mất.

Nếu lại dựa vào định vô sắc, trí vô học hiện ở trước mắt, thì quá khứ-hiện tại có năm, vị lai có mười, trí đó diệt rồi không mất.

Nếu nhập diệt định, hoặc tâm thế tục hiện ở trước mắt, thì quá khứ có năm, vị lai có mười, hiện tại không có, tâm đó diệt rồi không mất.

Nếu dựa vào có tâm-có tứ, trí vô học hiện ở trước mắt, thì quá khứ có năm, vị lai có mười, hiện tại có chín, trí đó diệt rồi không mất.

Nếu dựa vào định không có tâm-không có tứ, trí vô học sẽ hiện ở trước mắt, thì quá khứ có năm, vị lai có mười, hiện tại có tám, trí đó diệt rồi không mất.

Nếu dựa vào vô sắc, kiến vô học đầu tiên sẽ hiện ở trước mắt, thì quá khứ-hiện tại có năm, vị lai có mười, kiến đó diệt rồi không mất.

Nếu lại dựa vào định vô sắc, vô học hoặc trí hoặc kiến hiện ở trước mắt, thì quá khứ có sáu, vị lai có mười, hiện tại có năm, vô học, trí kiến đó diệt rồi không mất.

Nếu nhập diệt định, hoặc tâm thế tục hiện ở trước mắt, thì quá khứ có sáu, vị lai có mười, hiện tại không có, tâm đó diệt rồi không mất.

Nếu dựa vào định có tâm-có tứ, vô học hoặc trí hoặc kiến hiện ở trước mắt, thì quá khứ có sáu, vị lai có mười, hiện tại có chín, trí kiến vô học, đó diệt rồi không mất.

Nếu dựa vào định không có tâm-không có tứ, vô học hoặc trí hoặc kiến hiện ở trước mắt, thì quá khứ có sáu, vị lai có mười, hiện tại có tám.

Hỏi: Thế nào là kiến?

Đáp: Là năm kiến thuộc nhãn căn, Chánh kiến của thế tục, kiến học, vô học.

Hỏi: Thế nào là trí?

Đáp: Tuệ tương ứng với năm thức, trừ nhãn vô lậu, còn lại tuệ tương ứng với ý thức.

Hỏi: Thế nào là tuệ?

Đáp: Sáu thức tương ứng với tuệ.

Hỏi: Các kiến là trí chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu để phân biệt:

1. Có kiến không phải trí, nghĩa là nhãn căn và nhãn vô lậu.

2. Có trí không phải kiến, nghĩa là năm thức thân tương ứng với tuệ, tận-vô sinh trí, trừ ra năm kiến cùng với Chánh kiến thế tục, còn lại tuệ hữu lậu tương ứng với ý thức.

3. Có kiến cũng là trí, nghĩa là năm kiến, Chánh kiến thế tục, trừ nhãn vô lậu và tận-vô sinh trí, còn lại tuệ vô lậu.

4. Không phải kiến cũng không phải trí, nghĩa là trừ các tướng trước.

Hỏi: Các kiến là tuệ chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu để phân biệt:

1. Có kiến không phải tuệ, nghĩa là nhãn căn.

2. Có tuệ không phải kiến, nghĩa là tuệ tương ứng với năm thức thân, tận-vô sinh trí, trừ ra năm kiến và Chánh kiến thế tục, còn lại tuệ hữu lậu tương ứng với ý thức khác.

3. Có kiến cũng là tuệ, nghĩa là trừ ra tận-vô sinh trí, còn lại tuệ vô lậu và năm kiến, Chánh kiến thế tục.

4. Không phải kiến cũng không phải tuệ, nghĩa là trừ các tướng trước.

Hỏi: Các trí là tuệ chăng?

Đáp: Các trí đều là tuệ. Có tuệ không phải trí, nghĩa là nhãn vô lậu.

Hỏi: Kiến thuộc về trí hay trí thuộc về kiến?

Đáp: Nên làm thành bốn câu để phân biệt:

1. Có kiến không phải thuộc về trí, nghĩa là nhãn căn và nhãn vô lậu.

2. Có trí không phải thuộc về kiến, nghĩa là tuệ tương ứng với năm thức thân, tận-vô sinh trí, trừ ra năm kiến và Chánh kiến thế tục, còn lại tuệ hữu lậu tương ứng với ý thức.

3. Có kiến cũng thuộc về trí, nghĩa là năm kiến, Chánh kiến thế tục, trừ ra nhãn vô lậu và tận-vô sinh trí, còn lại tuệ vô lậu.

4. Không phải kiến, cũng không phải thuộc về trí, nghĩa là trừ các tướng trước.

Hỏi: Kiến thuộc về tuệ hay tuệ thuộc về kiến?

Đáp: Nên làm thành bốn câu để phân biệt:

1. Có kiến không phải thuộc về tuệ, nghĩa là nhãn căn.

2. Có tuệ không phải thuộc về kiến, nghĩa là tuệ tương ứng với năm thức thân, tận-vô sinh trí, trừ ra năm kiến và Chánh kiến thế tục, còn lại tuệ hữu lậu tương ứng với ý thức.

3. Có kiến cũng thuộc về tuệ, nghĩa là trừ ra tận-vô sinh trí, còn lại

tuệ vô lậu khác và năm kiến, Chánh kiến thế tục.

4. Không phải kiến, cũng không phải thuộc về tuệ, nghĩa là trừ các tướng trước.

Hỏi: Trí thâm tóm tuệ hay tuệ thâm tóm trí?

Đáp: Tuệ thâm tóm trí chứ không phải trí thâm tóm tuệ.

Không thâm tóm những gì? Nghĩa là nhãn vô lậu.

Hỏi: Các kiến thành tựu thì đó là trí chăng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Các kiến thành tựu thì đó là kiến chăng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Các kiến thành tựu thì đó là tuệ chăng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu tuệ thì thành tựu kiến chăng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Các trí thành tựu thì đó là tuệ chăng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu tuệ thì thành tựu trí chăng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Các kiến đã đoạn, đã biến khắp thì đó là trí chăng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Nếu trí đã đoạn, đã biến khắp thì đó là kiến chăng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Các kiến đã đoạn, đã biến khắp thì đó là tuệ chăng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Nếu tuệ đã đoạn, đã biến khắp thì đó là kiến chăng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Các trí đã đoạn, đã biến khắp thì đó là tuệ chăng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Nếu tuệ đã đoạn, đã biến khắp thì đó là trí kia chăng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Các Chánh kiến là Trạch pháp giác chi không?

Đáp: Nên làm thành bốn câu để phân biệt:

1. Có Chánh kiến không phải Trạch pháp giác chi, nghĩa là Chánh kiến thế tục.

2. Có Trạch pháp giác chi không phải Chánh kiến, nghĩa là tận-vô sinh trí.

3. Có Chánh kiến cũng là Trạch pháp giác chi, nghĩa là trừ ra tận-vô sinh trí, tuệ vô lậu.

4. Không phải Chánh kiến cũng không phải Trạch pháp giác chi, nghĩa là trừ các tướng trước.

Hỏi: Các chánh trí là Trạch pháp giác chi chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu để phân biệt:

1. Có chánh trí không phải Trạch pháp giác chi, nghĩa là chánh trí thế tục.

2. Có Trạch pháp giác chi không phải chánh trí, nghĩa là nhãn vô lậu.

3. Có chánh trí cũng là Trạch pháp giác chi, nghĩa là trừ ra nhãn vô lậu, còn lại tuệ vô lậu.

4. Không phải chánh trí cũng không phải Trạch pháp giác chi, nghĩa là trừ ra tướng trước.

Hỏi: Bảy giác chi, tám đạo chi, khi mỗi mỗi chi hiện ở trước mắt, thì có có bao nhiêu giác chi, bao nhiêu đạo chi hiện ở trước mắt?

Đáp: Nếu dựa vào vị chí định, lúc Niệm giác chi hiện ở trước mắt, có sáu giác chi học, tám đạo chi hiện ở trước mắt, có sáu giác chi vô học, chín đạo chi hiện ở trước mắt.

Nếu dựa vào sơ tĩnh lự, thì lúc Niệm giác chi hiện ở trước mắt, có bảy giác chi học, tám đạo chi hiện ở trước mắt, và bảy giác chi vô học, chín đạo chi hiện ở trước mắt.

Nếu dựa vào ở trung gian tĩnh lự thì lúc Niệm giác chi hiện ở trước mắt, có sáu giác chi học, bảy đạo chi hiện ở trước mắt, và sáu giác chi vô học, tám đạo chi hiện ở trước mắt. Dựa vào tĩnh lự thứ ba-thứ tư cũng vậy.

Nếu dựa vào tĩnh lự thứ hai, lúc Niệm giác chi hiện ở trước mắt, có bảy giác chi học, bảy đạo chi hiện ở trước mắt, và bảy giác chi vô học, tám đạo chi hiện ở trước mắt.

Nếu dựa vào định vô sắc, lúc Niệm giác chi hiện ở trước mắt, có sáu giác chi học, bốn đạo chi hiện ở trước mắt, và sáu giác chi vô học, năm đạo chi hiện ở trước mắt. Trạch pháp giác chi-Tĩnh tiến-Khinh an-định-Xả, giác chi Chánh kiến-Chánh tinh tiến-Chánh niệm-Chánh định đạo chi, cũng vậy.

Nếu dựa vào sơ tĩnh lự, lúc Hỷ giác chi hiện ở trước mắt, thì có bảy giác chi học, tám đạo chi hiện ở trước mắt, và bảy giác chi vô học, chín đạo chi hiện ở trước mắt.

Nếu dựa vào tĩnh lự thứ hai, thì khi Hỷ giác chi hiện ở trước mắt, và bảy giác chi học, bảy đạo chi hiện ở trước mắt, thì bảy giác chi vô học, tám đạo chi hiện ở trước mắt.

Nếu dựa vào vị chí, thì khi Chánh tư duy hiện ở trước mắt, và sáu giác chi học, tám đạo chi hiện ở trước mắt, thì sáu giác chi vô học, chín đạo chi hiện ở trước mắt.

Nếu dựa vào sơ tĩnh lực thì khi Chánh tư duy hiện ở trước mắt, có bảy giác chi học, tám đạo chi hiện ở trước mắt, và bảy giác chi vô học, chín đạo chi hiện ở trước mắt.

Nếu dựa vào vị chí định, khi Chánh ngữ hiện ở trước mắt, thì có sáu giác chi học, tám đạo chi hiện ở trước mắt, và sáu giác chi vô học, chín đạo chi hiện ở trước mắt.

Nếu dựa vào sơ tĩnh lực, khi Chánh ngữ hiện ở trước mắt, thì có bảy giác chi học, tám đạo chi hiện ở trước mắt, thì bảy giác chi vô học, chín đạo chi hiện ở trước mắt.

Nếu dựa vào trung gian tĩnh lực, khi Chánh ngữ hiện ở trước mắt, thì có sáu giác chi học, bảy đạo chi hiện ở trước mắt, và sáu giác chi vô học, tám đạo chi hiện ở trước mắt. Dựa vào tĩnh lực thứ ba-thứ tư cũng vậy.

Nếu dựa vào tĩnh lực thứ hai, khi Chánh ngữ hiện ở trước mắt, thì có bảy giác chi học, bảy đạo chi hiện ở trước mắt, và bảy giác chi vô học, tám đạo chi hiện ở trước mắt. Chánh nghiệp_chánh mạng cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ứng với Niệm giác chi, thì pháp đó tương ứng với Trạch pháp giác chi chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu để phân biệt:

1. Có pháp tương ứng với Niệm mà không tương ứng với Trạch pháp, nghĩa là Trạch pháp giác chi.

2. Có pháp tương ứng với Trạch pháp mà không tương ứng với Niệm, nghĩa là Niệm giác chi.

3. Có pháp tương ứng với Niệm cũng tương ứng với Trạch pháp, nghĩa là hai pháp tương ứng.

4. Có pháp không tương ứng với Niệm cũng không tương ứng với Trạch pháp, nghĩa là các tâm-tâm sở pháp khác, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành. Như đối với Trạch pháp giác chi, đối với Tinh tiến-Khinh an-định-Xả giác chi-Chánh tinh tiến-Chánh định cũng vậy.

Hỏi: Các pháp tương ứng với Niệm giác chi, thì pháp đó tương ứng với Hỷ giác chi chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu để phân biệt:

1. Có pháp tương ứng với Niệm mà không tương ứng với Hỷ, nghĩa là Hỷ giác chi và Hỷ không tương ứng với pháp tương ứng của Niệm

giác chi.

2. Có pháp tương ứng với Hỷ mà không tương ứng với Niệm, nghĩa là Hỷ giác chi tương ứng với Niệm.

3. Có pháp tương ứng với Niệm cũng tương ứng với Hỷ, nghĩa là hai pháp tương ứng.

4. Có pháp không tương ứng với Niệm cũng không tương ứng với Hỷ, nghĩa là Hỷ không tương ứng với Niệm giác chi và các tâm-tâm sở pháp, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành. Như đối với Hỷ giác chi, đối với Chánh kiến-Chánh tư duy cũng vậy.

Hỏi: Các pháp tương ứng với Niệm giác chi, thì pháp đó tương ứng với Chánh niệm chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Các pháp tương ứng với chánh niệm, thì pháp đó tương ứng với Niệm giác chi chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Các pháp tương ứng với Trạch pháp giác chi, thì pháp đó tương ứng với Tinh tiến giác chi chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu để phân biệt:

1. Có pháp tương ứng với Trạch pháp mà không tương ứng với Tinh tiến, nghĩa là Tinh tiến giác chi.

2. Có pháp tương ứng với Tinh tiến mà không tương ứng với Trạch pháp, nghĩa là Trạch pháp giác chi.

3. Có pháp tương ứng với Trạch pháp cũng tương ứng với Tinh tiến, nghĩa là hai pháp tương ứng.

4. Có pháp không tương ứng với Trạch pháp cũng không tương ứng với Tinh tiến, nghĩa là các tâm-tâm sở pháp, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành. Như đối với Tinh tiến giác chi, đối với giác chi Khinh an-Định-Xả, Chánh tinh tiến, Chánh niệm-Chánh định cũng vậy.

Hỏi: Các pháp tương ứng với Trạch pháp giác chi, thì pháp đó tương ứng với Hỷ giác chi chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu để phân biệt:

1. Có pháp tương ứng với Trạch pháp mà không tương ứng với Hỷ, nghĩa là Hỷ giác chi và Hỷ không tương ứng với pháp tương ứng của Trạch pháp giác chi.

2. Có pháp tương ứng với Hỷ mà không tương ứng với Trạch pháp, nghĩa là Hỷ giác chi tương ứng với Trạch pháp.

3. Có pháp tương ứng với Trạch pháp cũng tương ứng với Hỷ, nghĩa là hai pháp tương ứng .

4. Có pháp không tương ứng với Trạch pháp, cũng không tương ứng với Hỷ, nghĩa là hỷ không tương ứng với Trạch pháp giác chi, và các tâm-tâm sở pháp khác, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành. Như đối với Hỷ giác chi, đối với Chánh tư duy cũng vậy.

Hỏi: Các pháp tương ứng với Trạch pháp giác chi, thì pháp đó tương ứng với Chánh kiến chăng?

Đáp: Các pháp tương ứng với Chánh kiến thì cũng tương ứng với Trạch pháp giác chi. Có pháp tương ứng với Trạch pháp mà không tương ứng với Chánh kiến, nghĩa là Chánh kiến vốn không thấu tóm pháp tương ứng với Trạch pháp giác chi.

Hỏi: Các pháp tương ứng với Tinh tiến giác chi, thì pháp đó tương ứng với Hỷ giác chi chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu để phân biệt:

1. Có pháp tương ứng với Tinh tiến mà không tương ứng với hỷ, nghĩa là Hỷ giác chi và Hỷ không tương ứng với pháp tương ứng của Tinh tiến giác chi.

2. Có pháp tương ứng với Hỷ mà không tương ứng với Tinh tiến, nghĩa là Hỷ giác chi tương ứng với Tinh tiến.

3. Có pháp tương ứng với Tinh tiến cũng tương ứng với Hỷ, nghĩa là hai pháp tương ứng.

4. Có pháp không tương ứng với Tinh tiến, cũng không tương ứng với Hỷ, nghĩa là Hỷ không tương ứng với Tinh tiến giác chi và các tâm-tâm sở pháp, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành. Như đối với Hỷ giác chi, đối với Chánh kiến-Chánh tư duy cũng vậy.

Hỏi: Các pháp tương ứng với Tinh tiến giác chi, thì pháp đó tương ứng với Khinh an giác chi chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu để phân biệt:

1. Có pháp tương ứng với Tinh tiến mà không tương ứng với Khinh an, nghĩa là Khinh an giác chi.

2. Có pháp tương ứng với Khinh an mà không tương ứng với Tinh tiến, nghĩa là Tinh tiến giác chi.

3. Có pháp tương ứng với Tinh tiến cũng tương ứng với Khinh an, nghĩa là hai pháp tương ứng.

4. Có pháp không tương ứng với Tinh tiến, cũng không tương ứng với Khinh an, nghĩa là các tâm-tâm sở pháp, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành. Như đối với Khinh an giác chi, đối với Định-Xả giác chi, Chánh niệm-Chánh định cũng vậy.

Hỏi: Các pháp tương ứng với Tinh tiến giác chi, thì pháp đó tương

ứng với Chánh tinh tiến chẳng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu pháp tương ứng với Chánh tinh tiến, thì pháp ấy tương ứng với Tinh tiến giác chi chẳng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Các pháp tương ứng với Hỷ giác chi, thì pháp đó tương ứng với Khinh an giác chi chẳng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu để phân biệt:

1. Có pháp tương ứng với Hỷ mà không tương ứng với Khinh an, nghĩa là Hỷ tương ứng với Khinh an giác chi.

2. Có pháp tương ứng với Khinh an mà không tương ứng với Hỷ, nghĩa là Hỷ giác chi và Hỷ không tương ứng với pháp tương ứng của Khinh an giác chi.

3. Có pháp tương ứng với Hỷ cũng tương ứng với Khinh an, nghĩa là hai pháp tương ứng.

4. Có pháp không tương ứng với Hỷ cũng không tương ứng với Khinh an, nghĩa là Hỷ không tương ứng với Khinh an giác chi và các tâm-tâm sở pháp, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành. Như đối với Khinh an giác chi, đối với Định-Xả giác chi, Chánh tinh tiến, Chánh niệm-Chánh định cũng thế.

Hỏi: Các pháp tương ứng với Hỷ giác chi, thì pháp đó tương ứng với Chánh kiến chẳng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu để phân biệt:

1. Có pháp tương ứng với Hỷ mà không tương ứng với Chánh kiến, nghĩa là Hỷ giác chi tương ứng với Chánh kiến và Chánh kiến không tương ứng với pháp tương ứng của Hỷ giác chi.

2. Có pháp tương ứng với Chánh kiến mà không tương ứng với Hỷ, nghĩa là Chánh kiến tương ứng với Hỷ giác chi và Hỷ giác chi không tương ứng với pháp tương ứng của Chánh kiến.

3. Có pháp tương ứng với Hỷ cũng tương ứng với Chánh kiến, nghĩa là hai pháp tương ứng.

4. Có pháp không tương ứng với Hỷ cũng không tương ứng với Chánh kiến, nghĩa là Hỷ giác chi không tương ứng với Chánh kiến, Chánh kiến không tương ứng với Hỷ giác chi, và các tâm-tâm sở pháp, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành. Như đối với Chánh kiến, đối với Chánh tư duy cũng vậy.

Hỏi: Các pháp tương ứng với Khinh an giác chi, thì pháp đó cũng tương ứng với Định giác chi chẳng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu để phân biệt:

1. Có pháp tương ứng với Khinh an mà không tương ứng với Định, nghĩa là Định giác chi.

2. Có pháp tương ứng với Định, không tương ứng với Khinh an, nghĩa là Khinh an giác chi.

3. Có pháp tương ứng với Khinh an cũng tương ứng với Định, nghĩa là hai pháp tương ứng.

4. Có pháp không tương ứng với Khinh an cũng không tương ứng với định, nghĩa là các tâm-tâm sở pháp khác, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành. Như đối với Định giác chi, đối với Xả giác chi, Chánh tinh tiến-Chánh niệm-Chánh định cũng vậy.

Hỏi: Các pháp tương ứng với Khinh an giác chi, thì pháp đó tương ứng với Chánh kiến chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu để phân biệt:

1. Có pháp tương ứng với Khinh an mà không tương ứng với Chánh kiến, nghĩa là Chánh kiến, và Chánh kiến không tương ứng với pháp tương ứng của Khinh an giác chi.

2. Có pháp tương ứng với Chánh kiến mà không tương ứng với Khinh an, nghĩa là Chánh kiến tương ứng với Khinh an giác chi

3. Có pháp tương ứng với Khinh an cũng tương ứng với Chánh kiến, nghĩa là hai pháp tương ứng.

4. Có pháp không tương ứng với Khinh an cũng không tương ứng với Chánh kiến, nghĩa là Chánh kiến không tương ứng với Khinh an giác chi và các tâm-tâm sở pháp, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành. Như đối với Chánh kiến, đối với Chánh tư duy cũng vậy.

Hỏi: Các pháp tương ứng với Định giác chi, thì pháp đó cũng tương ứng với Xả giác chi chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu để phân biệt:

1. Có pháp tương ứng với Định mà không tương ứng với Xả, nghĩa là Xả giác chi.

2. Có pháp tương ứng với Xả mà không tương ứng với Định, nghĩa là Định giác chi.

3. Có pháp tương ứng với Định mà cũng tương ứng với Xả, nghĩa là hai pháp tương ứng.

4. Có pháp không tương ứng với Định cũng không tương ứng với Xả, nghĩa là các tâm-tâm sở pháp, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành. Như đối với Xả giác chi, đối với Chánh tinh tiến, chánh niệm cũng vậy.

Hỏi: Các pháp tương ứng với Định giác chi, thì pháp đó tương ứng với Chánh kiến chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu để phân biệt:

1. Có pháp tương ứng với Định mà không tương ứng với Chánh kiến, nghĩa là Chánh kiến và Chánh kiến không tương ứng với pháp tương ứng của Định giác chi.

2. Có pháp tương ứng với Chánh kiến mà không tương ứng với Định, nghĩa là Chánh kiến tương ứng với Định giác chi.

3. Có pháp tương ứng với Định cũng tương ứng với Chánh kiến, nghĩa là hai pháp tương ứng.

4. Có pháp không tương ứng với Định cũng không tương ứng với Chánh kiến, nghĩa là Chánh kiến không tương ứng với Định giác chi và các tâm-tâm sở pháp, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành. Như đối với Chánh kiến, đối với Chánh tư duy cũng vậy.

Hỏi: Các pháp tương ứng với Định giác chi, thì pháp đó tương ứng với Chánh định chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu pháp tương ứng với Chánh định, thì pháp đó tương ứng với Định giác chi chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Các pháp tương ứng với Xả giác chi, thì pháp đó tương ứng với Chánh kiến chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu để phân biệt:

1. Có pháp tương ứng với Xả mà không tương ứng với Chánh kiến, nghĩa là Xả Chánh kiến và Chánh kiến không tương ứng với pháp tương ứng của Xả giác chi.

2. Có pháp tương ứng với Chánh kiến mà không tương ứng với Xả, nghĩa là Chánh kiến tương ứng với Xả giác chi.

3. Có pháp tương ứng với Xả cũng tương ứng với Chánh kiến, nghĩa là hai pháp tương ứng.

4. Có pháp không tương ứng với Xả cũng không tương ứng với Chánh kiến, nghĩa là Chánh kiến không tương ứng với Xả giác chi và các tâm-tâm sở pháp, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành. Như đối với Chánh kiến, đối với Chánh tư duy cũng vậy.

Hỏi: Các pháp tương ứng với Xả giác chi, thì pháp đó tương ứng với Chánh tinh tiến chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu để phân biệt:

1. Có pháp tương ứng với Xả mà không tương ứng với Chánh tinh

tiến, nghĩa là Chánh tinh tiến.

2. Có pháp tương ứng với Chánh tinh tiến mà không tương ứng với Xả, nghĩa là Xả giác chi.

3. Có pháp tương ứng với Xả cũng tương ứng với Chánh tinh tiến, nghĩa là hai pháp tương ứng.

4. Có pháp không tương ứng với xả, cũng không tương ứng với Chánh tinh tiến, nghĩa là các tâm-tâm sở pháp, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành. Như đối với Chánh tinh tiến, đối với Chánh niệm-Chánh định cũng vậy.

Hỏi: Các pháp tương ứng với Chánh kiến, thì pháp đó tương ứng với Chánh tư duy chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu để phân biệt:

1. Có pháp tương ứng với Chánh kiến mà không tương ứng với Chánh tư duy, nghĩa là Chánh kiến tương ứng với Chánh tư duy, Chánh tư duy không tương ứng với pháp tương ứng của Chánh kiến.

2. Có pháp tương ứng với Chánh tư duy mà không tương ứng với Chánh kiến, nghĩa là Chánh tư duy tương ứng với Chánh kiến, và Chánh kiến không tương ứng với pháp tương ứng của Chánh tư duy.

3. Có pháp tương ứng với Chánh kiến cũng tương ứng với Chánh tư duy, nghĩa là hai pháp tương ứng.

4. Có pháp không tương ứng với Chánh kiến cũng không tương ứng với Chánh tư duy, nghĩa là Chánh kiến không tương ứng với Chánh tư duy và Chánh tư duy không tương ứng với Chánh kiến và các tâm-tâm sở pháp khác, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành.

Hỏi: Các pháp tương ứng với Chánh kiến, thì pháp đó tương ứng với Chánh tinh tiến chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu để phân biệt:

1. Có pháp tương ứng với Chánh kiến mà không tương ứng với Chánh tinh tiến, nghĩa là Chánh kiến tương ứng với Chánh tinh tiến và Chánh tinh tiến không tương ứng với pháp tương ứng của Chánh kiến.

2. Có pháp tương ứng với Chánh tinh tiến mà không tương ứng với Chánh kiến, nghĩa là Chánh tinh tiến tương ứng với Chánh kiến và Chánh kiến không tương ứng với pháp tương ứng của Chánh tinh tiến.

3. Có pháp tương ứng với Chánh kiến cũng tương ứng với Chánh tinh tiến, nghĩa là hai pháp tương ứng.

4. Có pháp không tương ứng với Chánh kiến cũng không tương ứng với Chánh tinh tiến, nghĩa là Chánh kiến không tương ứng với Chánh

ting tiến và các tâm-tâm sở pháp khác, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành. Như đối với Chánh tinh tiến, đối với Chánh niệm-Chánh định cũng vậy.

Hỏi: Các pháp tương ứng với Chánh tư duy, thì pháp đó tương ứng với Chánh tinh tiến chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu để phân biệt:

1. Có pháp tương ứng với Chánh tư duy mà không tương ứng với Chánh tinh tiến, nghĩa là Chánh tư duy tương ứng với Chánh tinh tiến.

2. Có pháp tương ứng với Chánh tinh tiến mà không tương ứng với Chánh tư duy, nghĩa là Chánh tư duy và Chánh tư duy không tương ứng với pháp tương ứng của Chánh tinh tiến.

3. Có pháp tương ứng với Chánh tư duy cũng tương ứng với Chánh tinh tiến, nghĩa là hai pháp tương ứng.

4. Có pháp không tương ứng với Chánh tư duy cũng không tương ứng với Chánh tinh tiến, nghĩa là Chánh tư duy không tương ứng với Chánh tinh tiến và các tâm-tâm sở pháp khác, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành. Như đối với Chánh tinh tiến, đối với Chánh niệm-Chánh định cũng vậy.

Hỏi: Các pháp tương ứng với Chánh tinh tiến, thì pháp đó tương ứng với chánh niệm chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu để phân biệt:

1. Có pháp tương ứng với Chánh tinh tiến mà không tương ứng với chánh niệm, nghĩa là chánh niệm.

2. Có pháp tương ứng với Chánh niệm mà không tương ứng với Chánh tinh tiến, nghĩa là Chánh tinh tiến.

3. Có pháp tương ứng với Chánh tinh tiến cũng tương ứng với chánh niệm, nghĩa là hai pháp tương ứng.

4. Có pháp không tương ứng với Chánh tinh tiến cũng không tương ứng với chánh niệm, nghĩa là các tâm-tâm sở pháp khác, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành. Như đối với chánh niệm, đối với Chánh định cũng vậy.

Hỏi: Các pháp tương ứng với chánh niệm, thì pháp đó tương ứng với Chánh định chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu để phân biệt:

1. Có pháp tương ứng với Chánh niệm mà không tương ứng với Chánh định, nghĩa là Chánh định.

2. Có pháp tương ứng với Chánh định mà không tương ứng với chánh niệm, nghĩa là chánh niệm.

3. Có pháp tương ứng với Chánh niệm cũng tương ứng với Chánh định, nghĩa là hai pháp tương ứng.

4. Có pháp không tương ứng với Chánh niệm cũng không tương ứng với Chánh định, nghĩa là các tâm-tâm sở pháp khác, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành.

Hỏi: Thế nào là Chánh kiến thế tục?

Đáp: Ý thức tương ứng với tuệ hữu lậu thiện.

Hỏi: Thế nào là chánh trí thế tục?

Đáp: Năm thức tương ứng với tuệ thiện, và ý thức tương ứng với tuệ hữu lậu thiện.

Hỏi: Các Chánh kiến thế tục, là chánh trí thế tục chăng?

Đáp: Các Chánh kiến thế tục cũng là chánh trí thế tục. Có chánh trí thế tục, không phải Chánh kiến thế tục, nghĩa là năm thức tương ứng với tuệ thiện.

Hỏi: Chánh kiến thế tục thấu tóm chánh trí thế tục, hay chánh trí thế tục thấu tóm Chánh kiến thế tục?

Đáp: Chánh trí thế tục thấu tóm Chánh kiến thế tục mà không phải là Chánh kiến thế tục thấu tóm chánh trí thế tục.

Hỏi: Không thấu tóm những gì?

Đáp: Nghĩa là năm thức tương ứng với tuệ thiện.

Hỏi: Những Chánh kiến thế tục thành tựu thì đó là Chánh trí thế tục chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu chánh trí thế tục thì thành tựu Chánh kiến thế tục chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Các Chánh kiến thế tục đã đoạn, đã biết khắp thì đó là chánh trí thế tục chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu chánh trí thế tục đã đoạn, đã biết khắp thì đó là Chánh kiến thế tục chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Thế nào là kiến vô lậu?

Đáp: Trừ ra tận-vô sinh trí, còn lại tuệ vô lậu.

Hỏi: Thế nào là trí vô lậu?

Đáp: Trừ nhãn vô lậu, còn lại tuệ vô lậu.

Hỏi: Các kiến vô lậu là trí vô lậu chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu để phân biệt:

1. Có kiến vô lậu mà không phải trí vô lậu, nghĩa là nhãn vô lậu.
2. Có trí vô lậu mà không phải kiến vô lậu, nghĩa là tận-vô sinh trí.
3. Có kiến vô lậu cũng là trí vô lậu, nghĩa là trừ ra nhãn vô lậu và tận-vô sinh trí, còn lại tuệ vô lậu.
4. Không phải kiến vô lậu cũng không phải trí vô lậu, nghĩa là trừ ra tướng trước.

Hỏi: Kiến vô lậu thâm tóm trí vô lậu, hay trí vô lậu thâm tóm kiến vô lậu?

Đáp: Nên làm thành bốn câu để phân biệt:

1. Có kiến vô lậu không phải thuộc về trí vô lậu, nghĩa là nhãn vô lậu.
2. Có trí vô lậu không phải thuộc về kiến vô lậu, nghĩa là tận-vô sinh trí.
3. Có kiến vô lậu cũng thuộc về trí vô lậu, nghĩa là trừ ra nhãn vô lậu, và tận-vô sinh trí, còn lại tuệ vô lậu.
4. Không phải kiến vô lậu cũng không phải thuộc về trí vô lậu, nghĩa là trừ các tướng trước.

Hỏi: Những kiến vô lậu thành tựu thì đó là trí vô lậu chăng?

Đáp: Thành tựu trí vô lậu cũng là thành tựu kiến vô lậu. Có kiến vô lậu thành tựu mà không phải là trí vô lậu, nghĩa là khổ pháp trí nhãn hiện ở trước mắt.

Phẩm 2: BÀN VỀ NĂM LOẠI

*Tà-chánh-kiến-trí gồm năm loại,
Tuệ sai lạc-học gồm ba loại,
Phạm-nhãn và năm loại ác kiến,
Nghĩa chương này xin nói đầy đủ.*

Hỏi: Thế nào là tà kiến?

Đáp: Nếu không an lập, thì năm kiến đều gọi là tà kiến. Nếu an lập thì chỉ có những kiến về không có bố thí, không có yêu thích, không có thờ cúng, không có hành tuyệt diệu, không có hành xấu xa không có hành tuyệt diệu-xấu xa và những nghiệp quả dị thực, gọi là tà kiến.

Hỏi: Thế nào là tà trí?

Đáp: Sáu thức tương ứng với tuệ ô nhiễm.

Hỏi: Các tà kiến là tà trí chăng?

Đáp: Các tà kiến là tà trí. Có tà trí không phải tà kiến, nghĩa là năm thức tương ứng với tuệ ô nhiễm và trừ năm kiến, còn lại ý thức tương ứng với tuệ ô nhiễm.

Hỏi: Tà kiến thâm tóm tà trí, hay tà trí thâm tóm tà kiến?

Đáp: Tà trí thâm tóm tà kiến, không phải tà kiến thâm tóm tà trí.

Hỏi: Không thâm tóm những gì?

Đáp: Nghĩa là năm thức khác tương ứng với tuệ ô nhiễm, và trừ ra năm kiến, còn lại ý thức tương ứng với tuệ ô nhiễm.

Hỏi: Các tà kiến thành tựu thì đó là trí chăng?

Đáp: Các tà kiến thành tựu cũng là tà trí. Có tà trí thành tựu nhưng không phải là tà kiến, nghĩa là kiến học tích.

Hỏi: Các tà kiến đã đoạn, đã biến khắp thì đó là tà trí chăng?

Đáp: Các tà trí đã đoạn, đã biết khắp cũng là tà kiến. Có tà kiến đã đoạn, đã biết khắp nhưng không phải là tà trí, nghĩa là kiến học tích.

Hỏi: Thế nào là Chánh kiến?

Đáp: Tận-vô sinh trí vốn không thâm tóm tuệ thiện tương ứng với ý thức.

Hỏi: Thế nào là chánh trí?

Đáp: Năm thức tương ứng với tuệ thiện và nhãn vô lậu mà không thâm tóm tuệ thiện tương ứng với ý thức.

Hỏi: Các Chánh kiến là chánh trí chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu để phân biệt:

1. Có Chánh kiến không là phải chánh trí, nghĩa là nhãn vô lậu.

2. Có chánh trí không phải là Chánh kiến, nghĩa là năm thức tương ứng với tuệ thiện và tận-vô sinh trí.

3. Có Chánh kiến cũng là chánh trí, nghĩa là nhãn vô lậu, và tận-vô sinh trí vốn không thấu tóm tuệ thiện tương ứng với ý thức.

4. Không phải Chánh kiến cũng không phải là chánh trí, nghĩa là trừ các tướng trước.

Hỏi: Chánh kiến thấu tóm chánh trí hay chánh trí thấu tóm Chánh kiến?

Đáp: Nên làm thành bốn câu để phân biệt:

1. Có Chánh kiến không phải thuộc về chánh trí, nghĩa là nhãn vô lậu.

2. Có chánh trí không phải thuộc về Chánh kiến, nghĩa là năm thức tương ứng với tuệ thiện và tận-vô sinh trí.

3. Có Chánh kiến cũng thuộc về chánh trí, nghĩa là nhãn vô lậu, tận-vô sinh trí vốn không thấu tóm tuệ thiện tương ứng với ý thức.

4. Không phải Chánh kiến cũng không phải thuộc về chánh trí, nghĩa là trừ các tướng trước.

Hỏi: Các Chánh kiến thành tựu thì đó là trí chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu chánh trí thì đó là Chánh kiến chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Các Chánh kiến đã đoạn, đã biến khắp thì đó là chánh trí chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu chánh trí đã đoạn, đã biến khắp thì đó là Chánh kiến chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Các tuệ sai lạc đều là kiết chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu để phân biệt:

1. Có tuệ sai lạc không phải là kiết, nghĩa là trừ ra hai kiết, còn lại tuệ ô nhiễm.

2. Có kiết không phải là tuệ sai lạc, nghĩa là bảy kiết.

3. Có tuệ sai lạc cũng là kiết, nghĩa là hai kiết.

4. Không phải tuệ sai lạc, cũng không phải là kiết, nghĩa là trừ các tướng trước.

Hỏi: Thế nào là kiến học?

Đáp: Tuệ học.

Hỏi: Thế nào là trí học?

Đáp: Tám trí học.

Hỏi: Thế nào là tuệ học?

Đáp: Kiến học, và trí học, gọi chung là tuệ học.

Hỏi: Các kiến học là trí học chăng?

Đáp: Các trí học cũng là kiến học. Có kiến học không phải là trí học, nghĩa là nhãn vô lậu.

Hỏi: Các kiến học là tuệ học chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu tuệ học thì đó là kiến học chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Các trí học là tuệ học chăng?

Đáp: Các trí học cũng là tuệ học, có tuệ. Học không phải là trí học, nghĩa là nhãn vô lậu.

Hỏi: Kiến học thâm tóm trí học hay trí học thâm tóm kiến học?

Đáp: Kiến học thâm tóm trí học, không phải trí học thâm tóm kiến học.

Hỏi: Không thâm tóm những gì?

Đáp: Nghĩa là nhãn vô lậu.

Hỏi: Kiến học thâm tóm tuệ học, hay tuệ học thâm tóm kiến học?

Đáp: Lăn lượt thâm tóm lẫn nhau.

Hỏi: Trí học thâm tóm tuệ học hay tuệ học thâm tóm trí học?

Đáp: Tuệ học thâm tóm trí học, không phải trí học thâm tóm tuệ học.

Hỏi: Không thâm tóm những gì?

Đáp: Nghĩa là nhãn vô lậu.

Hỏi: Các kiến học thành tựu thì đó là trí học chăng?

Đáp: Các trí học thành tựu đó cũng là kiến học. Có kiến học thành tựu nhưng không phải là trí học thành tựu, nghĩa là lúc khổ pháp trí nhãn hiện ở trước mắt.

Hỏi: Các kiến học thành tựu thì đó là tuệ học chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu tuệ học thì đó là kiến học chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Các trí học thành tựu thì đó là tuệ học chăng?

Đáp: Các trí học thành tựu, đó cũng là tuệ học. Có tuệ học thành tựu nhưng không phải là trí học, nghĩa là lúc khổ pháp trí nhãn hiện ở trước mắt.

Hỏi: Thế nào là kiến vô học?

Đáp: Tận-vô sinh trí vốn không thấu tóm tuệ vô học.

Hỏi: Thế nào là trí vô học?

Đáp: Tám trí vô học.

Hỏi: Thế nào là tuệ vô học?

Đáp: Kiến vô học và trí vô học, gọi chung là tuệ vô học.

Hỏi: Các kiến vô học là trí vô học chăng?

Đáp: Các kiến vô học cũng là trí vô học. Có trí vô học không phải là kiến vô học, nghĩa là tận-vô sinh trí.

Hỏi: Các kiến vô học thì đó là tuệ vô học chăng?

Đáp: Các kiến vô học cũng là tuệ vô học. Có tuệ vô học không phải là kiến vô học, nghĩa là tận-vô sinh trí.

Hỏi: Các trí vô học là tuệ vô học chăng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Nếu tuệ vô học là trí vô học chăng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Kiến vô học thấu tóm trí vô học, hay trí vô học thấu tóm kiến vô học?

Đáp: Trí vô học thấu tóm kiến vô học, không phải kiến vô học thấu tóm trí vô học.

Hỏi: Không thấu tóm những gì?

Đáp: Nghĩa là tận-vô sinh trí.

Hỏi: Kiến vô học thấu tóm tuệ vô học hay tuệ vô học thấu tóm kiến vô học?

Đáp: Tuệ vô học thấu tóm kiến vô học, không phải kiến vô học thấu tóm tuệ vô học.

Hỏi: Không thấu tóm những gì?

Đáp: Nghĩa là tận-vô sinh trí.

Hỏi: Trí vô học thấu tóm tuệ vô học hay tuệ vô học thấu tóm trí vô học?

Đáp: Lần lượt thấu tóm lẫn nhau.

Hỏi: Các kiến vô học thành tựu thì đó là trí vô học chăng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu trí vô học thì đó là kiến vô học chăng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Các kiến vô học thành tựu thì đó là tuệ vô học chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu tuệ vô học, thì đó là kiến vô học chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Các trí vô học thành tựu thì đó là tuệ vô học chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu tuệ vô học, thì đó là trí vô học chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Thế nào là kiến phi học phi vô học?

Đáp: Năm kiến của nhãn căn và Chánh kiến thế tục.

Hỏi: Thế nào là trí phi học phi vô học?

Đáp: Năm thức tương ứng với tuệ, và ý thức tương ứng với tuệ hữu lậu.

Hỏi: Thế nào là tuệ phi học phi vô học?

Đáp: Năm thức tương ứng với tuệ, và ý thức tương ứng với tuệ hữu lậu.

Hỏi: Các kiến phi học phi vô học là trí phi học phi vô học chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu để phân biệt:

1. Có kiến phi học phi vô học mà không phải là trí phi học phi vô học, nghĩa là nhãn căn.

2. Có trí phi học phi vô học mà không phải là kiến phi học phi vô học, nghĩa là năm thức tương ứng với tuệ, và trừ ra năm kiến-Chánh kiến thế tục, còn lại ý thức tương ứng với tuệ hữu lậu.

3. Có kiến phi học phi vô học cũng là trí phi học phi vô học, nghĩa là năm kiến và Chánh kiến thế tục.

4. Không phải là kiến phi học phi vô học cũng không phải là trí phi học phi vô học, nghĩa là trừ ra các tướng trước.

Hỏi: Các kiến phi học phi vô học là tuệ phi học phi vô học chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu để phân biệt:

1. Có kiến phi học phi vô học mà không phải là tuệ phi học phi vô học, nghĩa là nhãn căn.

2. Có tuệ phi học phi vô học mà không phải là kiến phi học phi vô học, nghĩa là năm thức tương ứng với tuệ và trừ năm kiến, Chánh kiến thế tục, còn lại ý thức tương ứng với tuệ hữu lậu.

3. Có kiến phi học phi vô học cũng là tuệ phi học phi vô học, nghĩa là năm kiến và Chánh kiến thế tục.

4. Không phải là kiến phi học phi vô học cũng không phải là tuệ phi học phi vô học, nghĩa là trừ các tướng trước.

Hỏi: Các trí phi học phi vô học thì đó là tuệ phi học phi vô học chăng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Nếu tuệ phi học phi vô học là trí phi học phi vô học chẳng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Kiến phi học phi vô học thâm tóm trí phi học phi vô học, hay trí phi học phi vô học thâm tóm kiến phi học phi vô học?

Đáp: Nên làm thành bốn câu để phân biệt:

1. Có kiến phi học phi vô học mà không thuộc về trí phi học phi vô học, nghĩa là nhãn căn.

2. Có trí phi học phi vô học mà không thuộc về kiến phi học phi vô học, nghĩa là năm thức tương ứng với tuệ, và trừ năm kiến, Chánh kiến thế tục, còn lại ý thức tương ứng với tuệ hữu lậu.

3. Có kiến phi học phi vô học cũng thuộc về trí phi học phi vô học, nghĩa là năm kiến và Chánh kiến thế tục.

4. Không phải kiến phi học phi vô học cũng không thuộc về trí phi học phi vô học, nghĩa là trừ các tướng trước.

Hỏi: Kiến phi học phi vô học thâm tóm tuệ phi học phi vô học, hay tuệ phi học phi vô học thâm tóm kiến phi học phi vô học?

Đáp: Nên làm thành bốn câu để phân biệt:

1. Có kiến phi học phi vô học mà không phải thuộc về tuệ phi học phi vô học, nghĩa là nhãn căn.

2. Có tuệ phi học phi vô học mà không phải thuộc về kiến phi học phi vô học, nghĩa là năm thức tương ứng với tuệ, và trừ ra năm kiến, Chánh kiến thế tục, còn lại ý thức tương ứng với tuệ hữu lậu.

3. Có kiến phi học phi vô học cũng thuộc về tuệ phi học phi vô học, nghĩa là năm kiến và Chánh kiến thế tục.

4. Không phải là kiến phi học phi vô học cũng không thuộc về tuệ phi học phi vô học, nghĩa là trừ các tướng trước.

Hỏi: Trí phi học phi vô học thâm tóm tuệ phi học phi vô học hay tuệ phi học phi vô học thâm tóm trí phi học phi vô học?

Đáp: Lần lượt thâm tóm lẫn nhau.

Hỏi: Thành tựu kiến phi học phi vô học là thành tựu thì đó là trí phi học phi vô học chẳng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu trí phi học phi vô học thì đó là kiến phi học phi vô học chẳng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Các kiến phi học phi vô học thành tựu thì đó là tuệ phi học phi vô học chẳng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu tuệ phi học phi vô học thì đó là kiến phi học phi vô học chăng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Các trí phi học phi vô học thành tựu thì đó là tuệ phi học phi vô học chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu tuệ phi học phi vô học thì đó là trí phi học phi vô học chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Các kiến phi học phi vô học đã đoạn, đã biến khắp thì đó là trí phi học phi vô học chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu trí phi học phi vô học đã đoạn, đã biến khắp thì đó là kiến phi học phi vô học chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Các kiến phi học phi vô học đã đoạn, đã biến khắp thì đó là tuệ phi học phi vô học chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu tuệ phi học phi vô học đã đoạn, đã biến khắp thì đó là kiến phi học phi vô học chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Các trí phi học phi vô học đã đoạn, đã biến khắp thì đó là tuệ phi học phi vô học chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu tuệ phi học phi vô học đã đoạn, đã biến khắp thì đó là trí phi học phi vô học chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Như Đại Phạm thiên nói: “Ta là Phạm, là Đại Phạm, được tự tại. Ở thế gian, ta có khả năng tạo tác, biến hóa, có khả năng xuất sinh, là cha của thế gian kia”.

Đối với năm kiến thì kiến này thuộc về kiến nào? Kiến đế nào mà đoạn kiến này vậy?

Đáp: Ta là Phạm, là Đại Phạm, được tự tại; nghĩa là lấy pháp thấp kém làm hơn hẳn, thuộc về kiến thủ, do kiến khổ mà đoạn.

Ta đối với thế gian, có khả năng tạo tác biến hóa, có khả năng xuất sinh, là cha của thế gian kia; nghĩa là không phải nhân mà chấp làm nhân, thuộc về giới cấm thủ, do kiến khổ mà đoạn.

Hỏi: Như Phạm chúng thiên nói Đúng vậy này: “Đây là Phạm, là

Đại Phạm, được tự tại, đối với thế gian này có khả năng tạo tác biến hóa, có khả năng xuất sinh, là cha của chúng ta”.

Kiến này đối với năm kiến, thuộc về kiến nào, kiến đế nào mà đoạn kiến này?

Đáp: Đây là Phạm, là Đại Phạm, được tự tại, nghĩa là lấy pháp thấp kém làm hơn hẳn, thuộc về kiến thủ, do kiến khổ mà đoạn.

Đối với thế gian này có khả năng tạo, tác biến hóa, có khả năng xuất sinh là cha của chúng ta, nghĩa là không phải nhân mà chấp làm nhân, thuộc về giới cấm thủ, do kiến khổ mà đoạn.

Hỏi: Dấy lên các kiến này: Ta chịu đựng tất cả. Kiến này đối với năm kiến thuộc về kiến nào, kiến đế nào mà đoạn kiến này?

Đáp: Thuộc về thường kiến trong biên chấp kiến, do kiến khổ mà đoạn.

Hỏi: Dấy khởi kiến này: Ta không chịu đựng tất cả. Kiến này đối với năm kiến, thuộc về kiến nào, kiến đế nào mà đoạn kiến này?

Đáp: Thuộc về đoạn kiến trong biên chấp kiến, do kiến khổ mà đoạn.

Hỏi: Dấy khởi kiến này: Ta chịu đựng một phần, không chịu đựng một phần. Kiến này đối với năm kiến thuộc về kiến nào, kiến đế nào mà đoạn kiến này?

Đáp: Chịu đựng một phần, nghĩa là thuộc về thường kiến trong biên chấp kiến; không chịu đựng một phần thuộc về đoạn kiến trong biên chấp kiến, đều do kiến khổ mà đoạn.

Hỏi: Dấy khởi kiến này: Có A-la-hán bị thiên ma quấy nhiễu, sai lầm thiếu sót bất tịnh. Kiến này đối với năm kiến thuộc kiến nào, kiến đế nào mà đoạn kiến này?

Đáp: Không phải nhân mà chấp là nhân, thuộc về giới cấm thủ, do kiến khổ mà đoạn.

Hỏi: Dấy khởi kiến này: Có A-la-hán đối với tự giải thoát, còn có điều không biết. Kiến này đối với năm kiến thuộc về kiến nào, kiến đế nào mà đoạn kiến ấy?

Đáp: Trí kiến vô lậu của các A-la-hán, thuộc về tà kiến, do kiến đạo mà đoạn.

Hỏi: Dấy khởi kiến này: Có A-la-hán đối với tự giải thoát, còn có điều nghi hoặc. Kiến này đối với năm kiến thuộc về kiến nào? Kiến đế nào mà đoạn kiến ấy?

Đáp: Các A-la-hán vượt qua sự nghi hoặc, thuộc về tà kiến, do kiến đạo mà đoạn.

Hỏi: Dấy khởi kiến này: Có A-la-hán chỉ do người khác hóa độ. Kiến này đối với năm kiến thuộc về kiến nào? Kiến đế nào mà đoạn kiến ấy?

Đáp: Các A-la-hán không có chướng ngại, không có trái ngược, tuệ nhãn hiện lượng, thân chứng tự tại, thuộc về tà kiến, do kiến đạo mà đoạn.

Hỏi: Dấy khởi kiến này: Đạo và chi đạo, khổ nói là đã gây ra. Kiến này đối với năm kiến thuộc về kiến nào, kiến đế nào mà đoạn kiến ấy?

Đáp: Không phải nhân mà chấp là nhân, thuộc về giới cấm thủ, do kiến khổ mà đoạn.

